CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng số 12

Ngày 30/09/2025	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.5%	**-3.7%**	**-2.2%**

DT thuần
Q3/25
86.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼129| -59.8%
YoY: ▲ 14.5| 20.2%

LN thuần
Q3/25
2.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.79| -50.9%
YoY: ▲ 1.00| 59.8%

LN sau thuế
Q3/25
2.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.31| -51.9%
YoY: ▲ 1.05| 95.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE (TTM)
Q3/25
7.3%
YoY: +/-▲ 0.6%

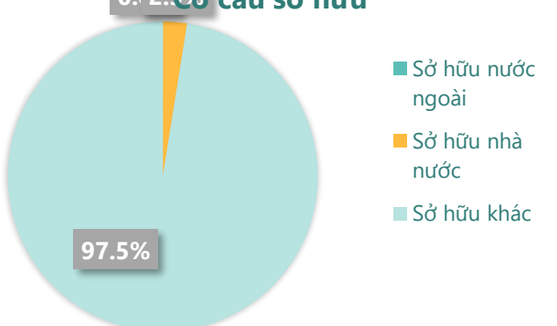
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,631 - 13,383
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
Số lượng CPLH (CP)	11,636,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,930
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.07)
EPS	1,002
P/E	11.7

DT thuần
9T 2025
355
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 92.0| 35.4%

LN thuần
9T 2025
9.59
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.36| 53.8%

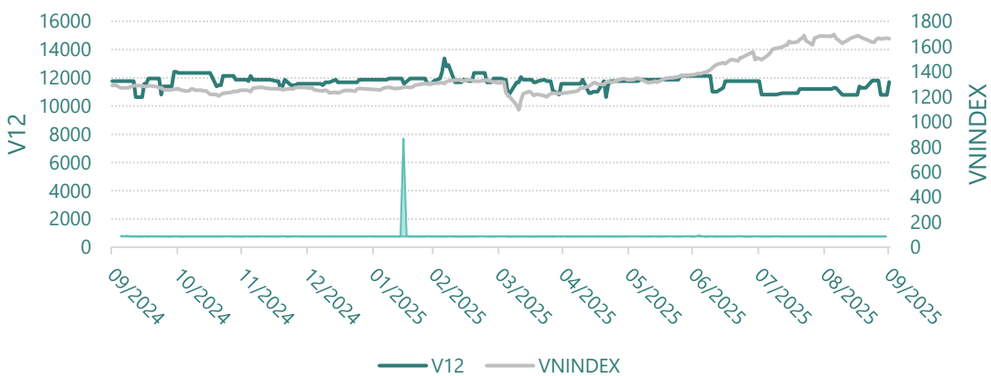
LN sau thuế
9T 2025
7.70
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.57| 50.0%

Cơ cấu sở hữu

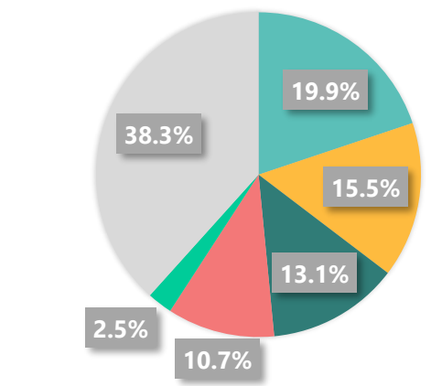


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

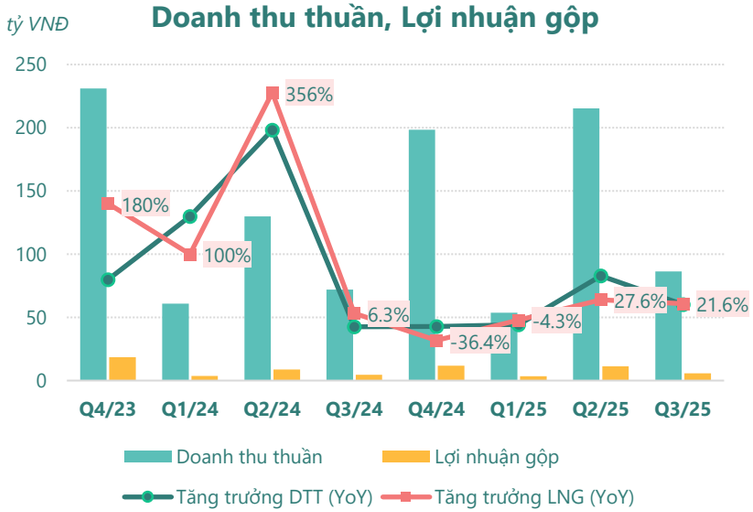


- Lê Phùng Hòa (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Minh Tuấn
- Nguyễn Hữu Tới (Chủ tịch HĐQT)
- Đinh Thị Hằng
- Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

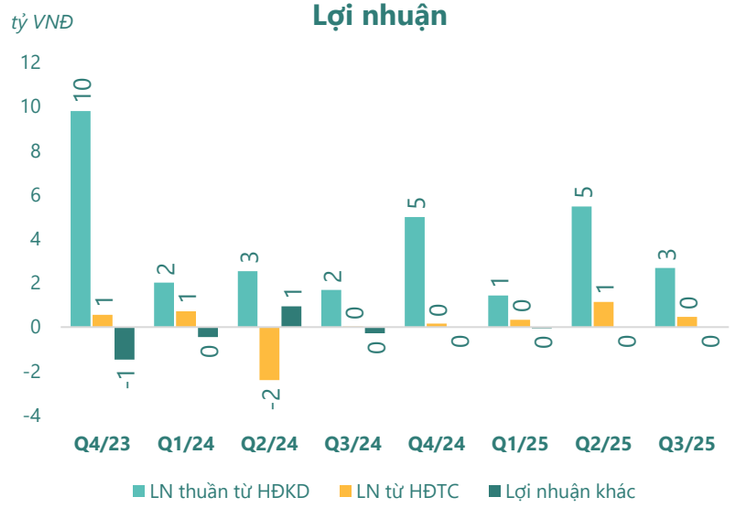
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



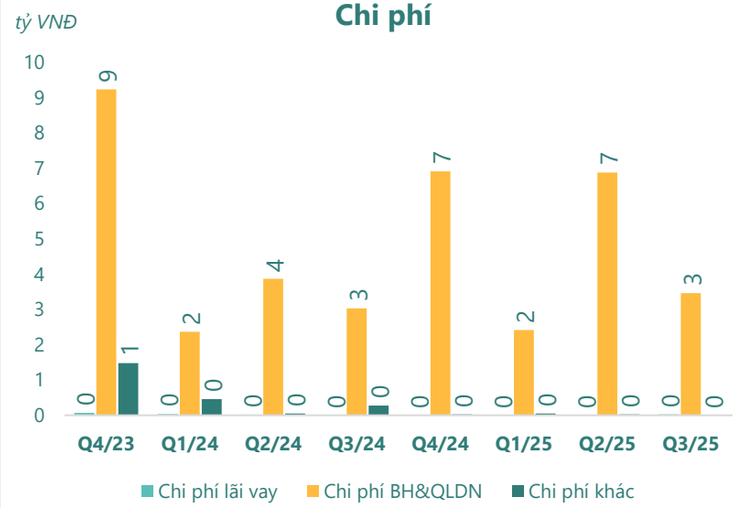
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



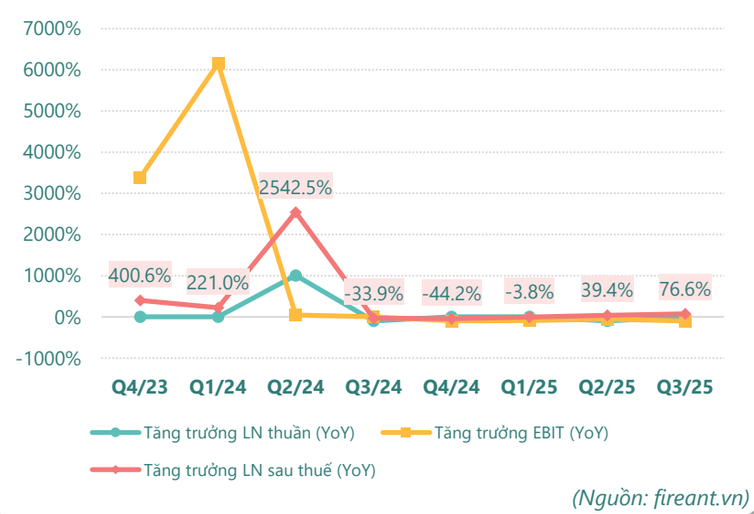
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



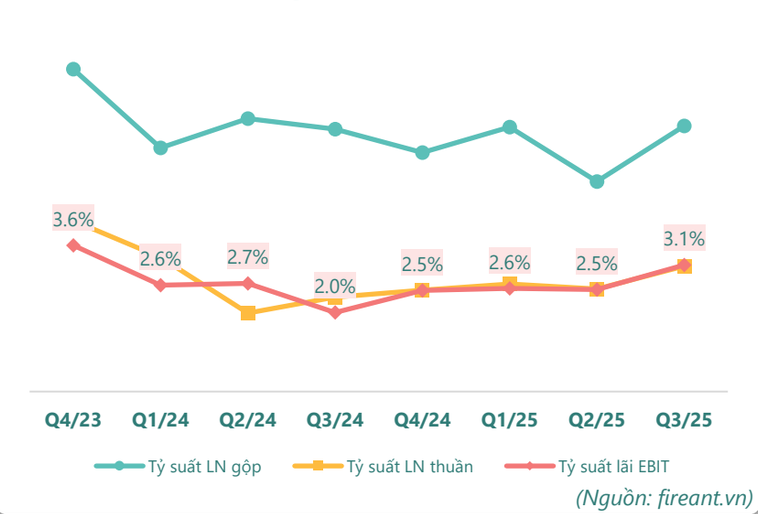
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



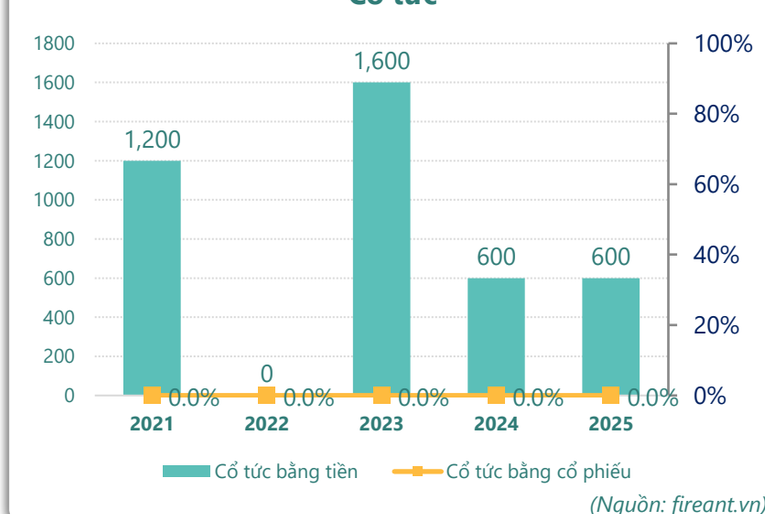
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

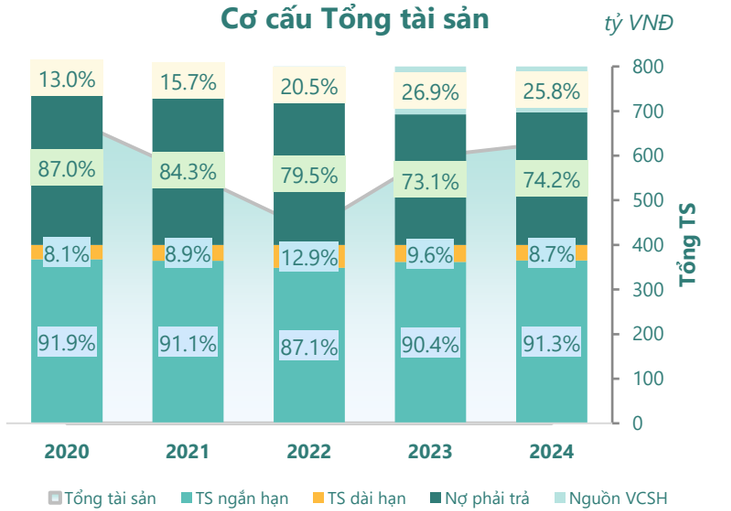
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

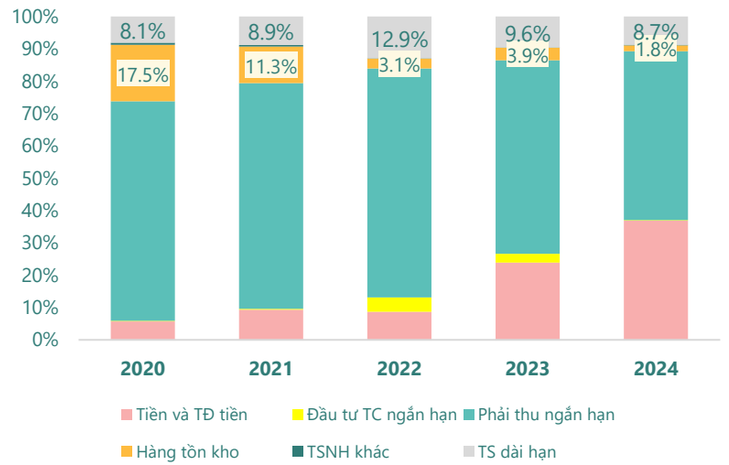
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



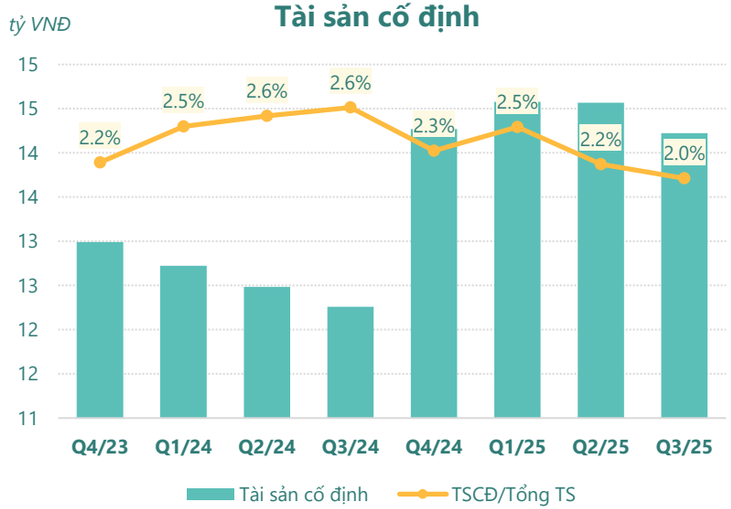
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



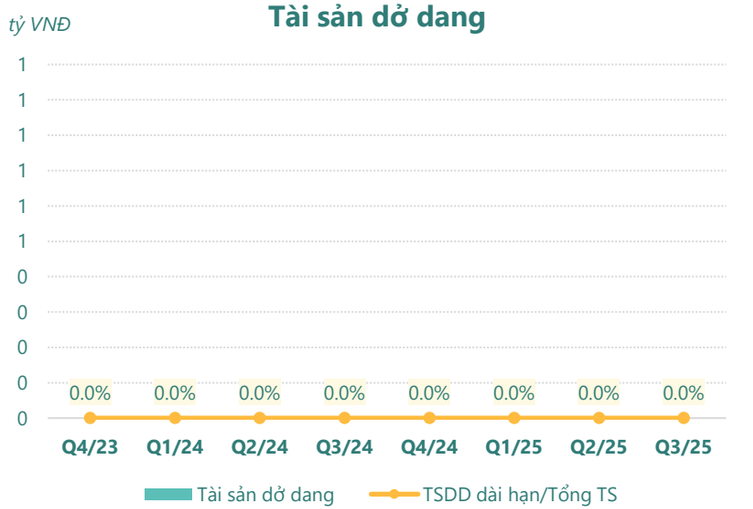
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



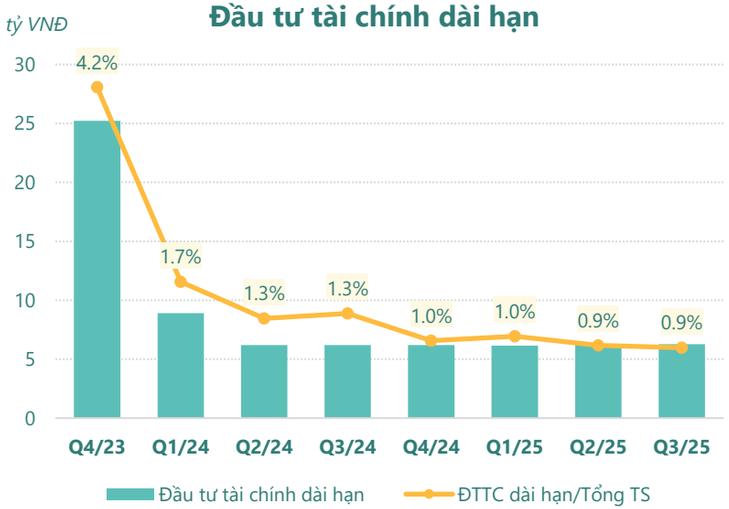
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



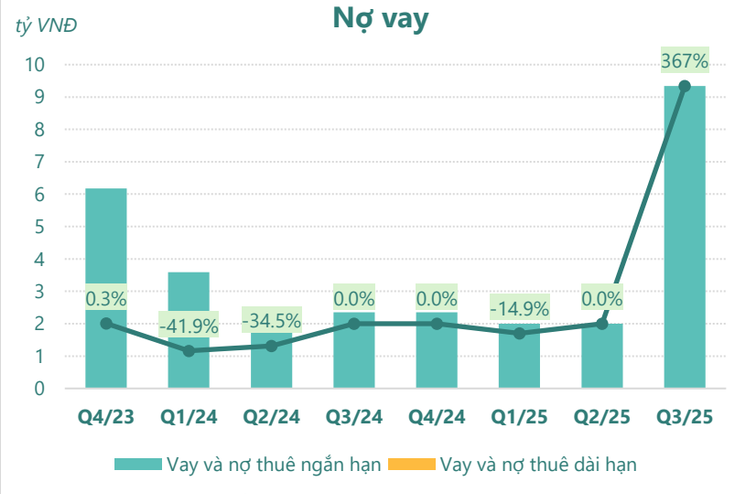
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

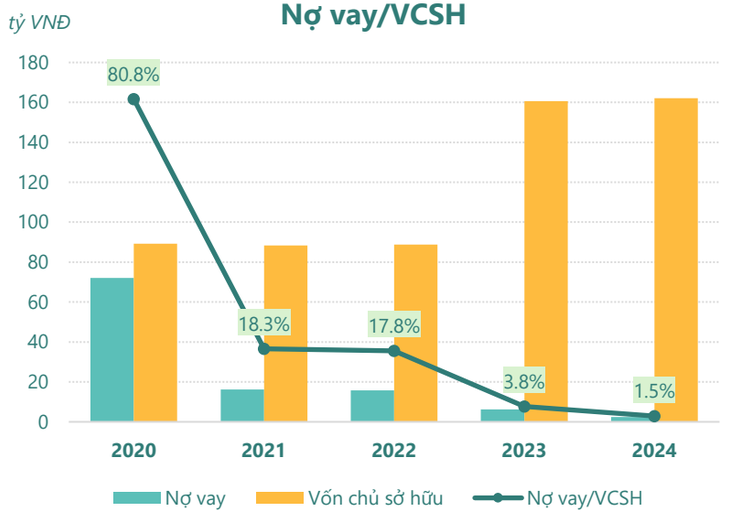
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

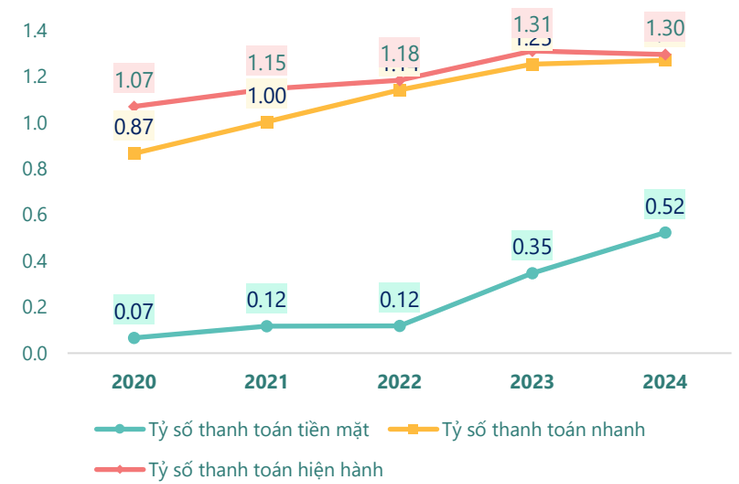
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



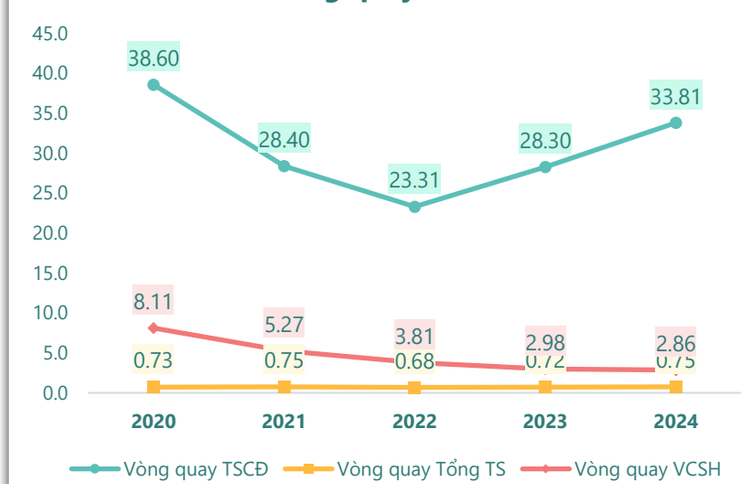
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



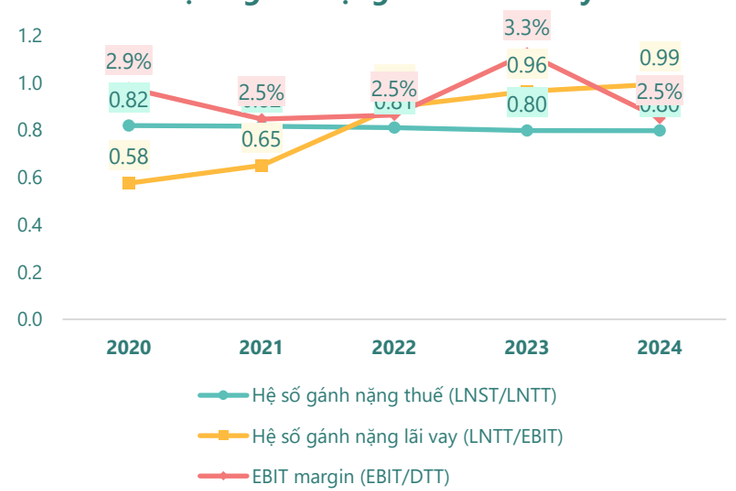
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



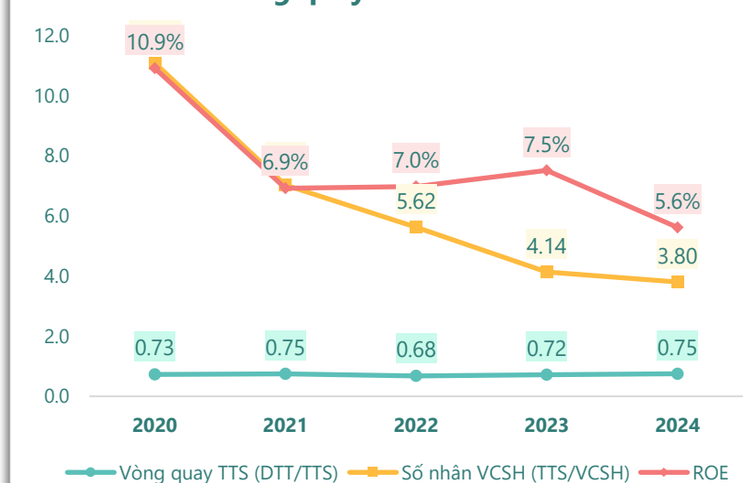
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



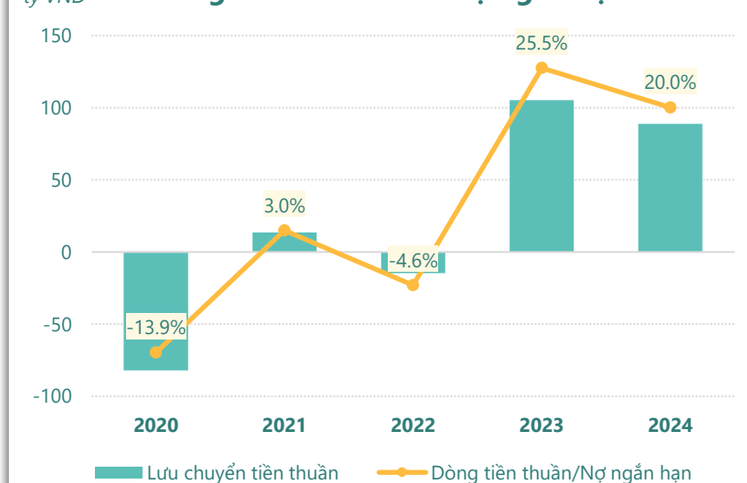
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**86.4**	**71.9**	**20.2%**	**355**	**263**	**35.4%**
Giá vốn hàng bán	80.7	67.2	20.1%	335	245	36.5%
Lợi nhuận gộp	5.69	4.68	21.6%	20.4	17.2	19.1%
Doanh thu HĐTC	0.48	0.04	1111%	1.83	1.12	63.3%
Chi phí TC	0.03	0.00		-0.09	2.78	-103%
Chi phí lãi vay	0.03	0.00		0.03	0.06	-52.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.46**	**3.03**	**14.3%**	**12.8**	**9.26**	**37.8%**
LN thuần từ HĐKD	2.68	1.68	59.8%	9.59	6.23	53.8%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.28**	**99.8%**	**-0.08**	**0.21**	**-138%**
LN trước thuế	2.68	1.40	91.7%	9.51	6.44	47.6%
Lợi nhuận sau thuế	**2.15**	**1.10**	**95.2%**	**7.70**	**5.13**	**50.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.15**	**1.10**	**95.2%**	**7.70**	**5.13**	**50.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.11	-27.6	214	-59.7	24.4	10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.63	0.04	7.91	-73.3	72.9	-62.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.08	-2.13	0.00	-0.35	0	7.34
Tiền đầu kỳ	33.0	39.6	9.98	232	98.3	196
Lưu chuyển tiền thuần	**6.66**	**-29.7**	**222**	**-133**	**97.4**	**-44.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	39.6	9.98	232	98.3	196	151

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**699**	**629**	**11.2%**
Tài sản ngắn hạn	645	574	12.3%
Tiền và tương đương tiền	151	232	-34.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.22	-100%
Phải thu ngắn hạn	456	329	38.7%
Hàng tồn kho	27.9	11.4	143%
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	1.05	856%
Tài sản dài hạn	**54.6**	**55.0**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	17.3	17.3	0.3%
Tài sản cố định	14.2	14.3	-0.3%
Bất động sản đầu tư	12.7	13.1	-3.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.26	6.15	1.9%
Tài sản dài hạn khác	**4.14**	**4.14**	**0.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	538	467	15.3%
Nợ ngắn hạn	**515**	**443**	**16.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.34	2.35	297%
Phải trả người bán ngắn hạn	67.2	93.9	-28.5%
Nợ dài hạn	23.4	24.1	-2.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**161**	**162**	**-0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**161**	**162**	**-0.8%**
Vốn điều lệ	116	116	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)